

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH ĐẮK LẮK Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **31** /NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày **10** tháng 10 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, kế hoạch năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**  
**KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2023;*

*Thực hiện Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025;*

*Thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 5 năm 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;*





*Thực hiện Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao chỉ chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023 từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;*

*Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm (2021-2025) thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 1 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;*

*Xét Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, kế hoạch năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 161/BC-HĐND ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, kế hoạch năm 2023, đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2022, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 2023 của 02 dự án đầu tư từ Tiểu dự án 1, Dự án 4 thuộc Chương trình, với số vốn là 13.000 triệu đồng.

2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn năm 2023 bố trí cho 03 dự án đầu tư từ Tiểu dự án 1, Dự án 1 và Tiểu dự án 2, Dự án 1 thuộc Chương trình, với số vốn là 13.000 triệu đồng, bao gồm:

a) Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 2023 bố trí cho 01 dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 1, với số vốn là 1.000 triệu đồng;

b) Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 2023 để bố trí khởi công mới 02 dự án đầu tư thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 1, với số vốn là 12.000 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Mười thông qua ngày 10 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC; LĐTĐBXH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC, LĐTĐBXH;
- TT HĐND, UBND thành phố BMT;
- TT HĐND, UBND huyện M'Đrắk;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.

**CHỦ TỊCH****Huỳnh Thị Chiến Hòa**



**Phụ lục**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG, KẾ HOẠCH NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số **31** /NQ-HĐND ngày **10** /10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền						Kế hoạch 2023			Điều chỉnh				Kế hoạch 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT				Tổng cộng	Bao gồm:		Giảm		Tăng		Tổng cộng	Bao gồm:			
					Tổng cộng	Ngân sách nhà nước				NSTW	NST	NSTW	NST	NSTW	NST		NSTW	NST		
						NSTW	NSBP	Trong đó:											NSTW	
						NS cấp huyện và cấp xã														
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
	<b>TỔNG SỐ</b>				198.337	186.187	12.150	11.500	650	46.500	44.500	2.000	13.000	-	13.000	-	46.500	44.500	2.000	
I	<b>DỰ ÁN 1: HỖ TRỢ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC HUYỆN NGHÈO, CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG BÃI NGANG, VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO</b>				108.837	101.687	7.150	6.500	650	1.500	1.500	-	-	-	13.000	-	14.500	14.500	-	Bổ sung có mục tiêu cho NSH
1	<b>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo</b>				7.500	7.000	500	500	-	1.500	1.500	-	-	-	1.000	-	2.500	2.500	-	
1.1	<b>Huyện M'Đrăk</b>				7.500	7.000	500	500	-	1.500	1.500	-	-	-	1.000	-	2.500	2.500	-	
a	Trường THPT Nguyễn Tất Thành, huyện M'Đrăk; Hạng mục: Nhà đa chức năng, khu giáo dục thể chất và hạ tầng kỹ thuật	Thị trấn M'Đrăk	2022-2024	5546/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND huyện	7.500	7.000	500	500	-	1.500	1.500	-	-	-	1.000	-	2.500	2.500	-	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành nhằm nâng cao tỷ lệ giải ngân
2	<b>Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025</b>				101.337	94.687	6.650	6.000	650	-	-	-	-	-	12.000	-	12.000	12.000	-	
2.1	<b>Huyện M'Đrăk</b>				101.337	94.687	6.650	6.000	650	-	-	-	-	-	12.000	-	12.000	12.000	-	
2.1.1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Trang đi Cư San, huyện M'Đrăk	Xã Ea Trang và xã Cư San	2023-2025	1288/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của UBND tỉnh	79.900	75.450	4.450	4.000	450	-	-	-	-	-	9.500	-	9.500	9.500	-	Để triển khai thực hiện hỗ trợ huyện nghèo phần đầu thoát nghèo của tỉnh (huyện M'Đrăk) theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ
2.1.2	Cầu Buôn M'Bhao thuộc tuyến đường giao thông từ thị trấn M'Đrăk đi xã Cư M'ta và xã Ea Riêng, huyện M'Đrăk (lý trình tại km 0+680 - km0+836)	Thị trấn M'Đrăk	2023-2025	2871/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND huyện	21.437	19.237	2.200	2.000	200	-	-	-	-	-	2.500	-	2.500	2.500	-	
II	<b>DỰ ÁN 4: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, VIỆC LÀM BỀN VỮNG</b>				89.500	84.500	5.000	5.000	-	45.000	43.000	2.000	13.000	-	-	-	32.000	30.000	2.000	
1	<b>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</b>				89.500	84.500	5.000	5.000	-	45.000	43.000	2.000	13.000	-	-	-	32.000	30.000	2.000	
1.1	Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	2023-2025	2891/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh	44.900	41.900	3.000	3.000	-	22.500	21.500	1.000	6.500	-	-	-	16.000	15.000	1.000	Dự án đang trong quá trình hoàn

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền						Kế hoạch 2023		Điều chỉnh			Kế hoạch 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT				Tổng cộng	Bao gồm:		Giảm		Tăng		Tổng cộng	Bao gồm:			
					Tổng cộng	Ngân sách nhà nước				NSTW	NST	NSTW	NST	NSTW	NST		NSTW		NST	
						NSTW	NSDP	Trong đó:												NST
1.2	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cơ sở vật chất Trường Cao đẳng công nghệ Tây Nguyên (Trường Cao đẳng Đắk Lắk)	Thành phố Buôn Ma Thuột	2023-2025	2915/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh	44.600	42.600	2.000	2.000		22.500	21.500	1.000	6.500	-	-	-	16.000	15.000	1.000	thiện thủ tục hồ sơ đấu thầu